

THƠ TÌNH NGUYỄN BÌNH TỪ GÓC NHÌN NỮ QUYỀN LUẬN*

◆ TS. CAO THỊ HỒNG

Lịch sử phát triển của nhân loại đã khẳng định một trong những nhu cầu tất yếu trong cuộc sống của mỗi con người là quyền yêu và được yêu. Tự do yêu đương, tự do luyện ái từ lâu đã được coi là một trong những quyền căn bản của con người. Nhưng để thực hiện được quyền cao cả ấy, nhân loại đã phải trải qua một quá trình lâu dài đấu tranh gian khổ với rất nhiều thế lực bạo tàn, trả giá bằng nhiều máu và nước mắt. Đối với phụ nữ, quyền yêu và được yêu lại càng có ý nghĩa quan trọng, nó quyết định đến cuộc sống, hạnh phúc của cả một đời người. Chính vì vậy, đây cũng là cơ sở để ra đời thuyết nữ quyền luận - một học thuyết có vai trò vô cùng cần thiết đối với việc bảo vệ quyền sống của người phụ nữ trong đó có quyền yêu và được yêu. Việt Nam cũng như các nước phương Đông khác, do chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng Nho giáo hà khắc nên thân phận người phụ nữ trong tình yêu chỉ như một cánh bèo vô định trôi theo dòng nước, "trong nhờ đục chịu". Không những thế họ còn chịu bao nhiêu đớn đau, đổ vỡ trong tình yêu và hôn nhân bởi họ bị tước đoạt quyền yêu và được yêu. Và đây cũng là cảm thức luôn ám ảnh Nguyễn Bình trong suốt hành trình sáng tạo thơ của ông. Bàn về thơ tình Nguyễn Bình, Tạ Tỵ viết: "Nguyễn

Bình sáng tác rất nhiều, mỗi bài thơ như một khúc bi ca, như nỗi đau đứt ruột vì khung trời tình ái mà thương để dành riêng cho Nguyễn Bình luôn luôn bị che phủ mây mù"¹. Ông đã "bắt mạch" đúng thần thái của thơ tình Nguyễn Bình: buồn đau, tê tái, não nề ... và điều này không phải không có lý do. Bởi lẽ, tình yêu trong thơ Nguyễn Bình, đặc biệt là tình yêu của giới nữ thường gặp nhiều éo le, trắc trở và bi kịch. Đọc các tập thơ của Nguyễn Bình xuất bản trước 1945 như: *Tâm hồn tôi* (1940), *Lỡ bước sang ngang* (1940), *Hương cố nhân* (1941), *Một nghìn cửa sổ và tập thơ buồm* (1941), *Mười hai bến nước* (1942), *Người con gái ở lầu hoa* (1942), *Mây tản* (1942)... có thể thấy tình yêu với những khát khao hạnh phúc cá nhân là những vấn đề mà Nguyễn Bình trăn trở nhiều nhất trong quá trình kiến tạo thi giới của mình. Đó là một thi giới mà ở đó thi nhân luôn dành những mĩ cảm, sự quan tâm, ưu ái cho những người phụ nữ mà ông đã/ đang/ chưa gặp trong suốt hành trình đi kiếm tìm chân giá trị cuộc sống theo cách riêng của mình. Từ góc nhìn nữ quyền luận, có thể nhận thấy thơ tình Nguyễn Bình không đơn thuần chỉ là sự tái hiện những chuyện tình dở dang, bi thương, mà đằng sau những ẩn ngữ văn chương đó là rất nhiều thông điệp đầy tính nhân văn, đề cao khát vọng tự do trong tình yêu, hôn nhân và hạnh phúc gia đình của người phụ nữ Việt. Đó cũng là những phẩm tính làm nên hệ giá

* Nghiên cứu này thuộc đề tài cấp Bộ mã số B2017-TNA-51

trị trong thơ Nguyễn Bính để nó mãi tồn sinh trong nền thơ ca dân tộc.

Nguyễn Bính - thi sĩ “suốt đời mắc bệnh tương tư” (Vũ Bằng) vốn là người đa tài, đa tình nên ông cũng đa sầu, đa cảm. Khảo sát 300 bài thơ công bố trước 1945, có 150 bài thi sĩ tái hiện hết sức phong phú những cung bậc cảm xúc về tình yêu. Theo tiêu chí nội dung, chúng tôi tạm phân loại các bài thơ đó thành sáu nhóm và gọi tên như sau: 1/ Tình yêu đổ vỡ (15 bài); 2/ Tình yêu chia ly, xa cách (28 bài); 3/ Buộc phải lấy người mình không yêu, cam chịu, hi sinh (11 bài); 4/ Tình yêu đơn phương (22); 5/ Khát vọng tình yêu tự do và hạnh phúc (9 bài); 6/ Xót xa, thương cảm, trân trọng phụ nữ (55 bài). Nhìn vào thống kê trên có thể thấy số bài có nội dung bộc lộ niềm xót xa, thương cảm, trân trọng đối với phụ nữ chiếm một tỷ lệ khá cao và những bài thơ hay nhất, những bài thơ “đề đời” của Nguyễn Bính chính là những bài thơ diễn tả bi kịch tuyệt vọng của tình yêu. Trong tấn bi kịch ấy, người phụ nữ luôn là đối tượng gánh chịu nhiều hi sinh, thiệt thòi, mất mát, đau khổ. Đó là những bài thơ mà mỗi câu thơ đều đầm đầy nước mắt: *Lỡ bước sang ngang*, *Tơ trắng*, *Dòng dư lệ*, *Định mệnh*, *Lòng nào dám tưởng*, *Nhớ thương ai*, *Bạc tình*, *Những trang nhật ký*, *Em về*, *Áo anh*, *Ngưu Lang Chức Nữ*, *Bao nhiêu đau khổ của trần gian*, *trời đã dành riêng để tặng nàng...* Những thi phẩm đặc sắc của Nguyễn Bính luôn chạm trái tim bạn đọc nhiều thế hệ, vừa ngậm ngùi, xót xa cho thân phận khốn cùng của những người phụ nữ, vừa thương cảm, chia sẻ cùng họ giấc mơ đau đáu khôn nguôi về một cuộc hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên cơ sở

một tình yêu tự do, tự nguyện. Đây cũng chính là vấn đề trọng tâm luôn được tất cả các dân tộc trên thế giới quan tâm khi bàn về giải phóng phụ nữ, đặc biệt là quyền được đối xử bình đẳng và quyền tự do yêu đương: “Thế là tan một giấc mơ/ Thế là cả một bài thơ nào nùng/ Tuổi son má đỏ môi hồng/ Bước chân về đến nhà chồng là thôi/ ... Em về thương lấy mẹ già/ Đùng mong ngóng chị nữa mà uống công/ ... Coi như chị đã sang sông đắm đờ” (*Lỡ bước sang ngang*); “Đâu còn sống lại trong mơ/ Đâu còn sống lại bên bờ sông yêu?/ Buồng the sâu sớm thương chiều/ Khóc thầm biết có bao nhiêu lệ rồi/ Tơ duyên đến thế là thôi/ Thế là uống cả một đời tài hoa” (*Dòng dư lệ*).

Hiện thực lịch sử xã hội và văn hóa Việt Nam trong những năm trước cách mạng tháng Tám cho thấy, trong điều kiện nền kinh tế lạc hậu, nghèo khó, nền văn hóa chịu ảnh hưởng nặng nề tư tưởng Nho giáo hà khắc của Trung Hoa, đa số phụ nữ Việt Nam từ lúc sinh ra đến khi già biệt cõi đời đều “tồn tại” trong tình trạng phụ thuộc theo một thứ quy chế đạo đức phi lý mà tư tưởng Nho giáo đã mặc định. Kiểu cưỡng hôn “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” là nguyên nhân đẩy người phụ nữ Việt Nam rơi vào thảm trạng bị ép duyên đầy oan nghiệt, họ phải lấy người mình không hề yêu thương, thậm chí chưa từng quen biết. Những cuộc hôn nhân không có tình yêu cho thấy thân phận “lạc loài” của người phụ nữ khi phải sống trong một xã hội mà quyền sống của họ không hề được tôn trọng. *Lỡ bước sang ngang* - thi phẩm tiêu nhất của Nguyễn Bính cho người đọc thấy tấn bi kịch này là phổ biến chứ không phải chỉ của

riêng người đàn bà nào, nỗi đau không chỉ của một người trong một thời mà là của nhiều người trong nhiều thời: “Cũng là thôi, cũng là đành/ Sang ngang lỡ bước riêng mình chị sao/ ... Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người...”. Như vậy trong xã hội, khi chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình đều do đàn ông “thống soái” thì chuyện phụ nữ phải cam chịu và chấp nhận mọi bất công giáng xuống số phận họ được số đông coi là lẽ tất nhiên, là chuyện bình thường, đã sinh là “phận đàn bà” thì phải chịu thiệt thòi như vậy. Đúng như Nguyễn Du đã từng đúc kết: “Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung” (*Truyện Kiều*). Sự lạnh lùng, dửng dưng vô tình, vô cảm (hoặc bất lực bởi hoàn cảnh) của mọi người trước những oan trái, bất công người phụ nữ phải gánh chịu chính là nhát dao tàn nhẫn nhất cắt cửa lòng người đau đớn nhất. Không ai có thể sẻ chia cùng nỗi đau đắng thất lòng, chỉ có một mình “chị” đêm đêm héo hon, âm thầm đối diện với nỗi cô đơn khôn tả: “Đêm qua là trắng ba đêm/ Chị thương chị kiếp con chim lia đàn/ ... Mắt quầng, tóc rối tơ vương/ ... Một lần sẩy bước ra đi/ Là không hẹn một lần về nữa đâu...” (*Lỡ bước sang ngang*).

Nguyễn Đăng Điệp khi tìm hiểu giọng điệu thơ Nguyễn Bính đã nhận xét xác đáng: “Nguyễn Bính là người sử dụng rất tài lối nói thác lời. Đây là khả năng hóa thân tài tình và tự nhiên của Nguyễn Bính”². Quả đúng là như vậy, đọc Nguyễn Bính, chúng ta thấy ông rất tài nhập vai người khác, “nói” rất đúng giọng và “đọc” rất đúng trạng thái “con người bên trong con người” được đặt ở nhiều hoàn cảnh khác nhau. Mỗi

bài thơ của Nguyễn Bính tựa như một câu chuyện kể bằng thơ về cuộc đời của một người phụ nữ nào đó, có thể là người thân yêu gắn bó với cuộc đời ông, cũng có thể chỉ là một người dung mà ông chợt gặp trên đường đời rong ruổi. Ông thác lời một người chị: “Em ơi, em ở lại nhà/ Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương/ Mẹ già một nắng hai sương/ Chị đi một bước, trăm đường xót xa” (*Lỡ bước sang ngang*), thác lời một người mẹ: “Con ơi! Mẹ khóc suốt đêm kia/ Khóc suốt đêm qua nữa chỉ vì...” (*Bước đi bước nữa*), thác lời một cô gái nào đó đã “sớm lỡ xe dây”: “Gặp gỡ hẵn duyên trời định trước/ Tội gì chẳng để tóc vương tơ” (*Tơ trắng*)... Thi nhân đã xúc động mạnh mẽ trước nỗi đau của nữ giới ở mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp, mọi kiểu dạng người trong xã hội đương thời (một thôn nữ, một tiểu thư khuê các chốn thị thành, một kỹ nữ...) bởi họ đều là những nạn nhân đáng thương của rất nhiều luật tục lạc hậu, phi nhân văn của xã hội đương thời. Trong *Lỡ bước sang ngang*, Nguyễn Bính thấu hiểu tường tận nỗi đau khổ của cô thôn nữ trong hoàn cảnh éo le bắt buộc phải “đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên” để “năm mười bảy tuổi chị đi lấy chồng”. Cuộc sống vợ chồng không tình yêu đối với cô chẳng khác gì “địa ngục trần gian” lạnh lùng đến ghê rợn, nhưng đã lỡ làng rồi, đành nuốt nước mắt đêm đêm. Nguyễn Bính rất tế nhị, sâu sắc, thấu đáo khi chia sẻ cùng “chị” – người có chồng mà “sống cũng bằng không” ở góc khuất nhất trong đời sống tình cảm vợ chồng nhưng cũng là nơi tủi cực, dễ bị tổn thương nhất của thân phận đàn bà: “Năm xưa đêm ấy, giường này/ Nghiến răng... nhắm mắt... chau mày... cực chưa?”

Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy ở đâu và ở thời đại nào khi tư tưởng nam quyền thống trị tuyệt đối sẽ khiến phụ nữ bị áp đảo, đối xử tàn tệ. Đàn ông “có quyền” xem thường phụ nữ theo kiểu “vợ mọn như chôi chùi chân/ chùi rồi lại vứt ra sân/ gọi mụ hàng xóm có chùi chân thì chùi” (ca dao) và họ cho mình quyền được giầy vò thân xác người phụ nữ theo ý muốn. Vì vậy, ngay cả “khoái cảm tính dục trong hôn nhân” cũng do đàn ông thống ngự, người phụ nữ chỉ biết cam chịu và chấp nhận. Vấn đề giải phóng thân xác của người phụ nữ cũng là một trong những vấn đề quan trọng của thuyết nữ quyền luận. Bởi vì “thân xác là một giá trị nhưng không phải là một giá trị buôn bán, đổi chác, giá trị của một đồ dùng, một dụng cụ”³. So với nam giới, người phụ nữ chịu nhiều bất công, thiệt thòi hơn trong đời sống bản năng.

Thơ của Nguyễn Bính đã gọi cho bạn đọc tư duy sâu rộng hơn về nữ quyền hiện đại. Ở đây vang lên thông điệp bày tỏ thái độ không đồng tình với quan niệm đàn ông có quyền được sở hữu tất cả những gì thuộc về đàn bà; lên án bạo lực hôn nhân, tình dục với phụ nữ và đồng thời cũng cảnh báo phụ nữ: việc cam chịu, nhẫn nhục, phụ thuộc vào người đàn ông đến nỗi quên mất vai trò và quyền được sống của mình cũng là góp phần gia tăng bất bình đẳng xã hội. Sau đêm trường trung cổ, tận đến những năm 70-80 của thế kỷ XX, nhân loại mới nhận thức rõ hơn vai trò trung tâm của phụ nữ trong tình yêu và hôn nhân, vậy mà ở những năm 40 của thế kỷ XX, Nguyễn Bính đã muốn gửi gắm một khát vọng lý tưởng, một thông điệp văn hóa sâu sắc: hôn nhân muốn có

hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu và sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Tình yêu giữa đàn ông và đàn bà đòi hỏi phải được xây dựng hài hòa trên cả yếu tố tinh thần và thể xác. Nếu thiếu một trong hai yếu tố ấy sẽ không thể có hạnh phúc lứa đôi, mọi ép uổng hôn nhân cuối cùng đều tan nát, rã rời và làm tổn thương sâu sắc đến người phụ nữ. Ở điểm này Nguyễn Bính dường như có sự kế thừa tư tưởng nhân văn tiến bộ của các nhà văn, nhà thơ tiền bối vĩ đại – các danh nhân văn hóa lớn thế giới như Nguyễn Du, Shakespeare, Bô Tòng Linh, Tào Tuyết Cần...

Như vậy, Nguyễn Bính đã thể hiện dứt khoát tinh thần phê phán giáo điều cổ hủ, đòi sự bình đẳng, tự do cho tình yêu và quan hệ nam nữ, giải phóng cá tính. Cho nên, đọc thơ Nguyễn Bính, chúng ta còn bắt gặp một thái độ “nâng niu, trân trọng, tôn vinh phụ nữ”, đặt phụ nữ ở một tâm thế tự tin, kiêu hãnh, và đàn ông phải van xin, mong được người phụ nữ mình yêu ban “ân sủng” yêu thương: “Tôi rót hồn tôi xuống mắt nàng/ Hồn tôi là cả một trời van/ Tôi van nàng đấy, van nàng đấy/ Ai có yêu đương chẳng vội vàng” (*Người con gái ở lâu hoa*). Hoặc bắt gặp những câu thơ xung tụng tình yêu của người đàn ông với người đàn bà – đó không phải là một mệnh lệnh của phái mạnh muốn áp đặt tình yêu với phái yếu mà là một lời tự thú thật đáng yêu của một chàng trai đang đắm chìm trong những khao khát yêu thương nồng cháy: “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông/ Một người chín nhớ mười mong một người/ Gió mưa là bệnh của trời/ Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng...” (*Tương tư*). Và đôi khi, nỗi đau thất tình, bị

phụ bạc lại là ở phía người đàn ông chứ không phải ở phía đàn bà: “Ai đem rắc bướm lên hoa?/ Rắc bèo xuống giếng, rắc ta vào nàng?/ Ai đem nhuộm lá cho vàng?/ Nhuộm đời cho bạc, cho nàng phụ ta?” (*Rắc bướm lên hoa*); hoặc: “Nhớ nhung trắng xóa cả mây trời/ Trắng xóa hồn tôi ai nhớ tôi?/ Hoa cuối cùng xoan rồi rụng hết/ Lấy gì phảng phất được màu môi?” (*Nhớ người trong nắng*); Đặc biệt mượn câu chuyện tình Ngưu Lang Chức Nữ vô cùng cảm động lưu truyền trong dân gian, Nguyễn Bính đã bày tỏ sự bất bình, chia sẻ nỗi đau khổ của không ít người đàn ông trước rào cản phi lý, nghiệt ngã của muôn vàn định kiến xã hội cũng đã đành rơi nước mắt xa cách bạn tình mà mình yêu thương trân quý: “Một năm gặp được mấy lần/ Anh khổ vô ngần Chức Nữ em ơi!... Đồi ta có tội gì đâu?/ Có sao chim chẳng bắc cầu cho qua?/ Ví chẳng tội với trời già/ Chẳng qua là tội đời ta chung tình/ Dây oan thắt chặt lấy mình/ Con sông bất bình chảy mãi về xuôi” (*Ngưu Lang Chức Nữ*).

Như vậy, từ góc nhìn nữ quyền luận, chúng ta thấy Nguyễn Bính không hề đơn giản trong quan niệm về vấn đề bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ, ông đã có những suy ngẫm về vấn đề này từ nhiều chiều, nhiều phía, nhiều phương diện khác nhau. Thi nhân không chỉ nói đến những nỗi đau và sự mất mát của người phụ nữ trong tình yêu, hôn nhân mà còn nói cả đến nỗi dằn vặt, đau khổ của những người đàn ông đứng trước những bế tắc, bi kịch của tình yêu mà không thể tìm đâu câu trả lời, để cuối cùng dẫn đến kết cục: “Tình sao không phụ mà ra phụ tình” (*Ngưu Lang Chức Nữ*).

Để giải quyết vấn đề nữ quyền một cách triệt để, xã hội cũng cần phải giải phóng cho chính nam giới khỏi những thiên vị/ trói buộc về phận sự “nam quyền” trong gia đình, phải thay đổi những luật tục lạc hậu ngàn đời thít chặt nhân quyền mà ngay cả những người đàn ông chân chính cũng phải cúi đầu cam chịu. Đúng như Henry David Thoreau (1817-1862), nhà văn, nhà thơ, sử gia và triết gia người Mỹ, đã nói: “Luật lệ không bao giờ khiến con người tự do, chính con người phải làm cho luật lệ tự do”. Từ góc nhìn nữ quyền luận, thông điệp trên cũng là một phương diện thể hiện một hệ giá trị khác của thơ tình Nguyễn Bính, nói như Bích Tường: “Thi ca của Nguyễn là thi ca ca ngợi chữ tình, là ước vọng kiếm tìm về sự chung đôi tại thế, nhưng thực tại vốn trắc trở và tạo thành những chua xót, cho nên Nguyễn chỉ là con tàu mà không có một nơi ga đỗ”⁴.

Thấu cảm nỗi đau và sự mất mát của người khác bằng chính nỗi đau và sự mất mát của mình trong tình yêu cho nên xúc cảm của Nguyễn Bính trước những bất công, đau khổ mà người phụ nữ phải gánh chịu không phải theo cách “thương vay, khóc mướn” mà là nỗi đau tận nhân tình được chung cất từ tâm cảm của một nghệ sĩ luôn khắc khoải, đau đáu suy tư về số phận những con người bị coi là yếu hèn, bị khinh rẻ trong xã hội. Thương người đã khó, đặt mình vào cảnh ngộ của người càng nhiều lần khó hơn, thành công của Nguyễn Bính khi nhập vai những phụ nữ trong hoàn cảnh bi kịch của tình yêu chứng tỏ ông đã nhập cuộc hết mình. Đây chính là nét độc đáo trong thi pháp thơ tình Nguyễn Bính.

Có thể nói, phía sau mỗi câu thơ Nguyễn Bình luôn ngập tràn thương cảm nghẹn ngào, đằng sau sự nghẹn ngào là âm vang tiếng nói phản kháng lại sự bất công, phi lý, ủng hộ việc giải phóng phụ nữ khỏi xích xiềng ràng buộc của lễ giáo phong kiến hà khắc, bạo tàn.

Trong bối cảnh phong trào vận động nữ quyền lan tỏa trên thế giới nửa đầu thế kỷ XX, vấn đề giải phóng phụ nữ ở Việt Nam không chỉ là yếu tố nội sinh mà còn là vấn đề mang tính thời đại. Những thay đổi trong nhận thức về vị trí, vai trò của người phụ nữ, dưới ảnh hưởng của phong trào nữ quyền thế giới cũng đã tác động tới nhận thức của tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ trong xã hội lúc bấy giờ trong đó có Nguyễn Bình. Như vậy, Nguyễn Bình không chỉ là nhà thơ của truyền thống mà ông còn là nhà thơ đã bắt kịp tư tưởng tiến bộ của thời đại. Thơ tình Nguyễn Bình, vì thế cũng là những bài thơ mà ở đó có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa đạo lý cổ truyền và những tư tưởng tiến bộ của nhân loại. Với câu chuyện *Lỡ bước sang ngang*, Nguyễn Bình đã khắc ghi vào tâm hồn người đọc muôn đời sau một tượng đài độc đáo về nỗi đau khổ, bất hạnh của người phụ nữ Việt Nam khi phải sống trong một xã hội mà quyền sống của họ chưa được tôn trọng đúng với giá trị của nó, trong đó có quyền yêu và được yêu. Tượng đài ấy là một lời cảnh tỉnh và nhắc nhở con người hãy biết tôn trọng quyền sống, quyền được tự do yêu đương, tự quyết định hạnh phúc của phụ nữ. Tinh thần ấy mãi mãi là những vấn đề không bao giờ xưa cũ trong tư duy nhân loại trên hành trình hướng về tương lai tươi sáng.

Nữ văn sĩ Pháp Simon de Beauvoir (1908-1986) đã quả quyết rằng phụ nữ có khả năng lựa chọn như nam giới, phụ nữ cần giải phóng mình và phục hồi cái tôi của mình bằng hướng đi tự do, tự hào về bản thân trong suy nghĩ, trong sáng tạo, trong hành động giống như nam giới. Từ góc nhìn này, ta thấy trong một số bài thơ tình của Nguyễn Bình như: *Bước đi bước nữa*, *Mưa xuân*, *Nhớ*, *Lơ đãng*, *Hết bướm vàng*, *Hương cố nhân*, *Truyện cổ tích*, *Xây lại cuộc đời*, *Bến mơ...* ít nhiều thi nhân đã thấp sáng giấc mơ đi kiếm tìm hạnh phúc của những người phụ nữ vốn đã chịu nhiều bất hạnh.

Như trên đã đề cập, khi mà bao trùm trong ý thức xã hội là quan niệm trọng nam khinh nữ, thì chuyện người phụ nữ phải nhất nhất tuân thủ sự sắp đặt của người đàn ông, chịu giam cầm đời mình trong gông xiềng hôn nhân là điều tất yếu. Ca dao đã từng phản ánh bao nỗi đau thân phận của người đàn bà ngày xưa: "Thân em như giếng giữa làng/ Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân" hoặc "Thân em như hạt mưa sa/ Hạt vào đài các, hạt sa ruộng lầy". Trong con mắt của cộng đồng, giá trị người phụ nữ không bằng "con bọ ngựa", không bằng con sâu, cái kiến... Vai trò làm vợ, làm mẹ trói buộc phụ nữ vào những nghĩa vụ khiến họ luôn phải chối bỏ quyền sống của bản thân mình và quyền khẳng định "nhân vị" của mình trong xã hội. Luật cấm phụ nữ cải giá là bất công, phi lý, vô nhân đạo, cướp mất quyền được sống hạnh phúc của họ. Tuy nhiên, để bước qua được vòng vây của muôn vàn định kiến, làm lại cuộc đời cũng không phải đơn giản với nhiều người đàn bà. Chia sẻ về vấn đề này,

Nguyễn Bính đã tái hiện tinh tế sự giằng xé nội tâm của một bà mẹ khi quyết định đi bước nữa. Bài thơ *Bước đi bước nữa* là tâm sự độc đáo của một người mẹ với con gái: “Kể con giờ cũng lớn khôn rồi/ Chín tuổi cha con hẳn ngậm cười/ Mẹ muốn bước đi thêm bước nữa/ Còn đàn em nhỏ cậy con nuôi/ Con ơi! mẹ khóc suốt đêm kia/ Khóc suốt đêm qua nữa, chi vì/ Con mẹ có còn thương mẹ đại/ Thì con gái mẹ nhận lời đi!”

Người phụ nữ trong bài thơ này đã rơi nhiều nước mắt xót xa, đau đớn, dằn vặt lương tâm về trách nhiệm làm mẹ, và có thể chị đã do dự rất nhiều trước việc phải đối diện với “lời ong tiếng ve” của mọi người và rào cản nghiệt ngã của luật tục văn hóa. Nhưng cuối cùng người mẹ này quyết tâm vượt qua tất cả khó khăn để bước tiếp, xây dựng lại hạnh phúc cuộc đời mình. Số phận không may mắn, “đứt gánh giữa đường”, chị đã ở vậy nuôi con và chịu nhiều đắng cay, thiệt thòi, giờ con gái đâu đã lớn có thể đảm đương việc nuôi em cho mẹ, chị coi con gái như một người bạn để chia sẻ nỗi niềm u uẩn, âm thầm đau đắng của phận đàn bà... Chị thủ thủ giải bày với con thật tội nghiệp: “Mẹ không muốn thế nhưng mà nghĩ/ Bấy lâu mẹ đã nhiều đắng cay...”. Thông thường con nhờ cậy mẹ để đi lấy chồng, ở tình huống này thì ngược lại: mẹ cậy con gái lớn nuôi đàn em nhỏ để đi lấy chồng - một hiện tượng hiếm xảy ra trong xã hội khi mà định kiến về việc “đi bước nữa” của người phụ nữ góa chồng còn nặng nề theo kiểu tư duy của Trình Hy (đời Tống Nho) “chết đói là việc nhỏ, thất tiết là việc lớn”. Trong cái nhìn của Nguyễn Bính, người phụ nữ ở đây khác với nhiều người

phụ nữ khác ở chỗ đã dám dũng cảm phá bỏ gông xiềng đè nặng trên đôi vai bé nhỏ để tìm lại bến bờ hạnh phúc và chân trời tự do cho bản thân mình, biết tự trân trọng giá trị bản thân và dám tự tin khẳng định hạnh phúc - đó là biểu hiện của sự tiến bộ trong tư tưởng, hành động của phụ nữ thời hiện đại. Nguyễn Bính đã thông cảm, thấu hiểu, chia sẻ cùng phụ nữ những vấn đề thời đại, ông nhận thức rõ cuộc sống luôn thay đổi và những chuẩn mực dành cho phụ nữ cũng đổi thay. Trong những bài thơ như *Tơ trắng*, *Mưa xuân*, *Xây lại cuộc đời*... có thể bắt gặp hình ảnh những cô gái trẻ tự tin kiếm tìm tình yêu và giá trị hạnh phúc. Họ tự hồi sinh cuộc đời mình bằng chính vẻ đẹp thể chất và tâm hồn mình. Sự sống dậy mãnh liệt của ý thức cá nhân đã xóa đi hình ảnh bến lèn, nhút nhát của những cô thôn nữ một thời chỉ biết cam chịu cúi đầu tuân thủ mọi quy tắc, khuôn phép lạnh lùng, giờ đây nếu bản lĩnh và tự tin họ cũng có thể tự quyết định những ngã rẽ để bước tới tương lai tốt đẹp cho cuộc đời: “Nàng dùng bước lại khế giờ tay/ Toan gỡ tơ ra trả gió bay/ Nàng nghĩ: “Vương chi tơ trắng nữa!/ Tơ hồng ta sớm lờ xe dây”/ Song nàng lại nghĩ: “Tự ngày xưa/ Chôn chết yêu đương, đến tận giờ/ Gặp gỡ hẳn duyên trời định trước/ Tội gì chẳng để tóc vương tơ?”/ Tơ trắng vương trên mái tóc nàng/ Đưa nàng sang trọn bến dò ngang/ Yêu đương sống lại, con người ấy/ Lại thấy đời tươi tựa nắng vàng” (*Tơ trắng*).

Như vậy, có thể thấy thái độ chủ động đấu tranh để vượt qua giới hạn về tư tưởng của chính bản thân mình, dám đương đầu với những định chế hà khắc của xã hội, để được sống thật với chính

mình, được là chính mình và dám đi đến tận cùng bản thể - đó là một cái nhìn phát hiện về ý thức nữ quyền, biểu hiện thái độ vừa trân trọng vừa khích lệ, động viên mà Nguyễn Bính đã dành cho những người phụ nữ Việt trên hành trình gian nan kiếm tìm và khẳng định hạnh phúc.

Sinh thời, Nguyễn Bính là người thấm nhuần tư tưởng tự do, phóng khoáng, luôn khát khao được sống là chính mình. Điều này cũng thể hiện khá rõ trong thơ của ông mà đặc biệt hơn cả là mảng thơ tình. Vì vậy, chính thơ tình Nguyễn Bính - mà phần lớn là những bài thơ viết về tình yêu của người phụ nữ - là một trong những nhân tố quan trọng làm nên giá trị thơ Nguyễn Bính. Hơn ai hết, là một thi sĩ có trái tim rất dễ rung cảm, xúc động trước phận số của người phụ nữ, Nguyễn Bính nhận thức rất rõ về quyền sống, quyền được yêu và quyền quyết định cuộc đời của họ. Điều này luận giải vì sao Nguyễn Bính tự nhận mình là "Thi sĩ của yêu thương" và trong thơ ông luôn xuất hiện những cảm xúc xót xa, tiếc nuối cho những đổ vỡ, chia ly, xa cách trong tình yêu. Bước chân phiêu lãng của thi nhân in dấu trên mọi nẻo đường thiên lý, điều đó đã giúp ông chiêm nghiệm muôn sắc màu cuộc sống trong chiều sâu văn hóa của nó, để rồi từ những suy nghiệm về giá trị đích thực của cuộc sống, Nguyễn Bính - với tất cả tấm lòng chân thành, bao dung và trái tim luôn tràn ngập tình cảm yêu thương, trân trọng con người - đã cố vũ nồng nhiệt cho tư tưởng tự do phóng khoáng và tinh thần tự tin, dũng cảm để phá mọi rào cản trái ngang phi lý, bước tới bến bờ tình yêu và hạnh phúc của người phụ nữ. Theo chúng tôi, đây

cũng là một trong những nền tảng tư tưởng cơ bản để lý giải vì sao thơ Nguyễn Bính giàu sức sống, đậm chất nhân văn, nhân bản, luôn ám ảnh sâu đậm trong tâm khảm bạn đọc mọi thế hệ, bất chấp sự sàng lọc khắt nghiệt của thời gian.

Có thể khẳng định, Nguyễn Bính là một trong số ít những nhà thơ Mới với trí tuệ và sự tài hoa độc đáo đã góp tiếng nói mạnh mẽ, ấn tượng và có sức lan tỏa, lôi cuốn lạ lùng để khai sáng dân trí, thuyết phục cộng đồng hãy thay đổi cách nhìn, cách đối xử đối với phụ nữ, hãy làm sao để phụ nữ được sống là chính mình và được hưởng hạnh phúc do chính họ tạo dựng nên. Chỉ cần xét từ góc độ giá trị tư tưởng này, Nguyễn Bính đã xứng đáng được tôn vinh như một nhà thơ có ý thức nữ quyền và thơ tình Nguyễn Bính là tiếng nói của những người phụ nữ không chỉ có cam chịu, hi sinh mà còn có ý thức về "nhân vị" của mình trong tình yêu, cuộc sống. Thơ Nguyễn Bính vì vậy sẽ mãi mãi tồn sinh trong tâm thức của người tiếp nhận, không chỉ ở những người cùng thời với ông mà còn với bạn đọc hôm nay và cả mai sau. ■

Chú thích:

1 Tạ Ty (1970). *Mười khuôn mặt văn nghệ*. Sài Gòn, tr.131.

2 Nguyễn Đăng Điệp (2002). *Giọng điệu trong thơ trữ tình*. NXB Văn học.

3 Nguyễn Văn Trung (2006). *Ca tụng thân xác*. NXB Văn Nghệ, TP.Hồ Chí Minh, tr.85.

4 Bích Tường: "Người con gái lâu hoa hay tâm trạng nguyên hương tình yêu Nguyễn Bính", *Nghiên cứu văn học số 7/9/1971*, tr.89.